

Bản án số: 548/2021/DS-ST

Ngày: 09/12/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1269/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 192/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT

Trụ sở: Đường N, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, địa chỉ số 11/5/15KP 2A, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1603/2020/UQ-TTT ngày 27/11/2020). Ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Đường Đ, Phường Y, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT có ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/9/2011, ông Nguyễn Thành N có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT(gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông N gồm thẻ Visa Credit Classic số thẻ 472074 – 5963 và thẻ Master Credit Classic số thẻ 512341-1955 với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch số tiền 9.173.691 đồng gồm thẻ Visa Credit Classic số thẻ 472074 – 5963 số tiền 6.032.100 đồng và thẻ Master Credit Classic số thẻ 512341-1955 là 3.141.861 đồng. Ông N phải thanh toán các thẻ tín dụng khi đến hạn theo thông báo giao dịch và tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh mức lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và khoản phí theo quy định tại Điều 22 và Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng về chi tiết lãi, phí được nêu trong tóm tắt sao kê. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.332.000 đồng trong đó: Thẻ Visa Credit Classic số 472074 – 5963 số tiền là 1.405.000 đồng và thẻ Master Credit Classic 512341-1955 số tiền là 927.000 đồng nên thẻ Visa Credit Classic số 472074 – 5963 còn nợ số tiền 6.673.134 đồng và thẻ Master Credit Classic 512341-1955 còn nợ lại số tiền là 3.049.004 đồng. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá từ ngày 26/4/2012 đối với thẻ Visa Credit Classic số 472074 – 5963 và ngày 21/4/2012 thẻ Master Credit Classic 512341-1955. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông N trả cho Ngân hàng các khoản nợ tính đến ngày 13/5/2021: Thẻ Visa Credit Classic số thẻ 472074-5963 gồm gốc số tiền 6.673.134 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 26/4/2012 tạm tính đến ngày 13/5/2021 với mức lãi suất quá hạn 3,225%/tháng 23.747.660 đồng và thẻ Master Credit Classic số thẻ 512341-1955 gồm gốc số tiền 3.3049.004 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 21/4/2012 tạm tính đến ngày 13/5/2021 với mức lãi suất quá hạn 3,225%/ tháng 10.850.180 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ ngày 14/5/2021 ông N phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất quá hạn trên số nợ gốc của hợp đồng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông N trả nợ cho Ngân hàng vì đây là khoản vay tín chấp không yêu cầu vợ của ông N cùng có trách nhiệm với ông N

giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông N không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa:

- Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lã Ngọc M ngày 07/12/2021 yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Thành N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền 46.514.898 đồng do sử dụng thẻ tín dụng như sau: Thẻ Visa Credit Classic số 472074 – 5963 gồm gốc số tiền 6.673.134 đồng và lãi quá hạn tính từ 26/4/2012 đến ngày 09/12/2021 số tiền 25.254.200 đồng; Thẻ Master Credit Classic số 512341-1955 gồm gốc số tiền 3.049.004 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 21/4/2012 cho đến ngày 09/12/2021 số tiền là 11.538.560 đồng với mức lãi suất 3,225%/tháng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT khởi kiện ông Nguyễn Thành N trả số tiền còn thiếu do sử dụng thẻ tín dụng phát sinh tranh chấp từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/9/2011 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “ Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1970 có hộ khẩu thường trú tại Đ, Phường Y, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh hiện vắng mặt, đi đâu không rõ”.

[1.3] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/9/2011 thì tại phần thông tin cá nhân ông Nguyễn Thành N cung cấp cho Ngân hàng địa chỉ thường trú số Đ, Phường Y, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, khi ông N thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho

chính quyền địa phương và không thông báo với nguyên đơn Ngân hàng là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông N có địa chỉ tại số Đ, Phường Y, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.5] Bị đơn ông N được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Bị đơn ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.7] Đại diện nguyên đơn ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc ông Nguyễn Thành N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền 46.514.898 đồng do sử dụng thẻ Visa Credit Classic số 472074 – 5963 gồm gốc số tiền 6.673.134 đồng và lãi quá hạn tính từ 26/4/2012 đến ngày 09/12/2021 số tiền 25.254.200 đồng; Thẻ Master Credit Classic số 512341-1955 gồm gốc số tiền 3.049.004 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 21/4/2012 cho đến ngày 09/12/2021 số tiền là 11.538.560 đồng với mức lãi suất 3,225%/tháng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.1.1] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/9/2011 của ông N đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT thì ông N được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 10.000.000 đồng với hai thẻ số 472074 – 5963 và thẻ số 512341-1955.

[2.1.2] Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và*

chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.” và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;”; Tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau: Các quy định về cấp tín dụng qua thẻ “ 2. Số tiền đang thấu chi, số tiền đang vay tín dụng của một khách hàng nằm trong giới hạn cho vay đối với khách hàng đó theo quy định hiện hành của pháp luật.

Dư nợ thấu chi qua thẻ, dư nợ tín dụng qua thẻ được tính vào tổng mức dư nợ cho vay chung của TCPHT.

3. Thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu, nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ khác liên quan đến việc cấp tín dụng thực hiện theo thoả thuận giữa TCPHT và chủ thẻ và không trái các quy định của pháp luật.” và quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thoả thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.”;

[2.1.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT quy định tại khoản i Điều 1 về giải thích thuật ngữ như sau: “*Dư nợ thẻ gọi tắt là dư nợ là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ*”, tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: “... *Chủ thẻ là chủ thẻ chính và bất kỳ và tất cả chủ thẻ phụ, chịu trách nhiệm liên đới việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các loại phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do sử dụng thẻ...*”, tại Điều 18 quy định về phương thức thanh toán như sau: “*Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo ...*”, tại Điều 19 về số tiền thanh toán như sau: “*Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ...*”, tại Điều 20 quy định về áp dụng thanh toán như sau: “*Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.*”, và tại Điều 23 quy định về vi phạm như sau: “*Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán...*”. Đối chiếu bản tóm tắt sao kê của ông N thể hiện như sau: Thẻ

Visa Credit Classic thẻ 472074 – 5963 các giao dịch từ ngày 25/9/2011 cho đến ngày 25/4/2012 thì ông N còn dư nợ số 7.173.134 đồng và không thanh toán cho đến ngày 25/7/2012 thì ông N thanh toán tiếp cho Ngân hàng số tiền 500.000 đồng và Ngân hàng được trừ vào dư nợ nên còn nợ số tiền 6.673.134 đồng cho đến nay ông N không thanh toán tiếp cho Ngân hàng. Thẻ Master Credit Classic số 512341-1955 các giao dịch từ ngày 20/9/2011 cho đến ngày 20/4/2012 thì ông N còn dư nợ số tiền 3.049.004 đồng và không thanh toán cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông N phải trả số tiền 9.722.138 đồng đồng do sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên có sở chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi quá hạn:

[2.2.1] Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”*.

[2.2.2] Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: *“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”.

[2.2.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 22 quy định về cách tính lãi như sau: *“Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản.”* và tại Điều 23 về vi phạm như sau: *Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của Chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ...*

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ.

- *Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ ...”*. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng và chuyển nợ quá hạn đối với thẻ Visa Credit Classic thẻ 472074 – 5963 từ ngày 26/4/2012 và thẻ Master Credit Classic số 512341-1955 từ ngày 21/4/2012 là phù hợp với quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2.4] Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT của Trung tâm thẻ Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank quy định mức lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông N trả số tiền lãi quá hạn với mức lãi suất quá hạn 3,225%/tháng của thẻ Visa Credit Classic số thẻ 472074 – 5963 từ ngày 26/4/2012 tính đến ngày 09/12/2021 số tiền 25.254.200 đồng và thẻ Master Credit Classic số thẻ 512341-1955 từ ngày 21/4/2012 cho đến ngày 09/12/2021 số tiền là 11.538.560 đồng là phù hợp quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông N phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT được chấp nhận số tiền là 2.325.745 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT.

Buộc ông Nguyễn Thành N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền là 46.514.898 đồng gồm: Nợ gốc 9.722.138 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 21/4/2012 cho đến ngày 09/12/2021 số tiền 36.792.760 đồng của thẻ Visa Credit Classic số 472074 – 5963, thẻ Master Credit Classic số 512341-1955 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/9/2011. Việc trả tiền được thực hiện một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thành N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền 9.722.138 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT theo mức lãi suất được quy định theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/9/2011 đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành N phải chịu 2.325.745 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.046.594 đồng theo biên lai thu tiền số 0032725 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT và bị đơn ông Nguyễn Thành N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

